

Số : 508/QĐ-ĐHKTL-ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân
cho sinh viên các khóa – hình thức đào tạo đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/04/2017 của Giám đốc ĐHQG TP.HCM về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09/08/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Xét đề nghị của thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân cho 237 sinh viên các khóa hình thức đào tạo đại học chính quy, gồm có:

Stt	Ngành đào tạo	Số lượng
1	Kinh tế	05
2	Kinh tế quốc tế	10
3	Quản trị kinh doanh	14
4	Marketing	13
5	Kinh doanh quốc tế	04
6	Thương mại điện tử	48
7	Tài chính - Ngân hàng	14
8	Kế toán	33
9	Kiểm toán	24
10	Hệ thống thông tin quản lý	49



Cfu

11	Luật	06
12	Luật Kinh tế	17

(danh sách đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Khoa/Bộ môn, đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KINH TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K164010035	THỊ CHÂU THIÊN LỖY	Nữ	16/09/1997	DB000028	Kiên Giang		00	7.11	Khá	K16401	Kinh tế
2	K174010018	TRẦN THỊ NGỌC HIẾU	Nữ	20/04/1999	38003976	Gia Lai	1		7.15	Khá	K17401	Kinh tế
3	K174010022	ĐẶNG THỊ KHÁNH	Nữ	02/01/1999	43002651	Nghệ An	1		7.73	Khá	K17401	Kinh tế
4	K154030250	NGUYỄN VĂN LÂM	Nam	15/04/1993	SPK006110	TP. Hồ Chí Minh	3		7.15	Khá	K15403	Kinh tế
5	K174030208	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	26/01/1998	40020389	Hà Tây	1		6.30	Trung bình khá	K17403	Kinh tế

Tổng cộng: 5

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KINH TẾ QUỐC TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K154020145	CAO THỊ TÂM	Nữ	05/05/1997	HDT022130	Thanh Hóa	2NT		7.67	Khá	K15402	Kinh tế quốc tế
2	K164020109	SÔ THỊ DƯƠNG	Nữ	30/05/1997	DB000014	Phú Yên			6.54	Trung bình khá	K16402	Kinh tế quốc tế
3	K174020085	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	27/09/1999	36002382	Kon Tum	1		7.88	Khá	K17402	Kinh tế quốc tế
4	K174020090	LÊ THỊ KIM HỒNG	Nữ	24/08/1999	47002851	Bình Thuận	1		7.45	Khá	K17402	Kinh tế quốc tế
5	K184020119	VÕ VĂN ANH HÀO	Nam	06/07/2000	49012725	TP. Hồ Chí Minh		00	8.25	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
6	K184020181	LÊ THÙY TRANG	Nữ	16/03/2000	39005440	Phú Yên	2NT		8.29	Giỏi	K18402	Kinh tế quốc tế
7	K184020218	PHAN THỊ THẢO NGÂN	Nữ	18/08/2000	02040951	TP. Hồ Chí Minh	3		8.12	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
8	K184020220	ÂU CÔNG PHÚC	Nam	25/05/2000	35002107	Quảng Ngãi	1		8.39	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
9	K184020232	NGUYỄN CẨM VÂN	Nữ	27/02/2000	44001898	Bình Dương	2		8.44	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế
10	K184020233	HOÀNG THẾ VINH	Nam	15/01/2000	02042623	TP. Hồ Chí Minh		00	8.50	Giỏi	K18402C	Kinh tế quốc tế

Tổng cộng: 10

HIỆU TRƯỞNG


Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K154070668	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	14/08/1997	TSN013272	Khánh Hòa	2		7.11	Khá	K15407	Quản trị kinh doanh
2	K154071519	HOÀNG THANH TÚ	Nam	06/09/1996	DB0011	Lâm Đồng		00	6.20	Trung bình khá	K15407	Quản trị kinh doanh
3	K164070947	TRẦN VĂN TÙNG	Nam	07/07/1996	TTN015542	Đắk Lắk	1	00	7.28	Khá	K16407	Quản trị kinh doanh
4	K164070954	VÕ THỊ LAM YẾN	Nữ	23/07/1998	XDT010427	Phú Yên	1		7.47	Khá	K16407	Quản trị kinh doanh
5	K164072323	DƯƠNG QUANG PHẠM	Nam	20/01/1998	XDT005866	Phú Yên	2	00	6.89	Trung bình khá	K16407	Quản trị kinh doanh
6	K174070762	BÙI NGỌC LINH	Nữ	25/09/1999	36003145	Kon Tum	1	00	7.36	Khá	K17407	Quản trị kinh doanh
7	K174070766	NGUYỄN QUANG LỢI	Nam	20/04/1999	35008497	Quảng Ngãi	1		7.34	Khá	K17407	Quản trị kinh doanh
8	K174070767	MAI THỊ LỰA	Nữ	02/12/1999	43001702	Nam Định	1		7.96	Khá	K17407	Quản trị kinh doanh
9	K184070859	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	08/02/2000	51001163	An Giang			8.57	Giỏi	K18407	Quản trị kinh doanh
10	K184070868	NGUYỄN HUỲNH NGỌC QUYÊN	Nữ	08/03/2000	41003871	Khánh Hòa	2NT		7.77	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
11	K184070921	TRỊNH XUÂN NAM	Nam	25/02/2000	02045280	Đắk Lắk	3		7.15	Khá	K18407	Quản trị kinh doanh
12	K174070831	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Nam	01/02/1998	38012362	Gia Lai	1	00	8.08	Giỏi	K17407C	Quản trị kinh doanh
13	K184070904	HÀ THỊ MINH ANH	Nữ	17/11/2000	44000035	Đồng Nai			8.25	Giỏi	K18407C	Quản trị kinh doanh

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
14	K184070924	NGUYỄN THỊ NHÀN	Nữ	08/06/2000	33004156	Thừa Thiên Huế	2		7.65	Khá	K18407C	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng: 14

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: MARKETING

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144101373	NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN	Nữ	19/05/1996	6035	Đồng Tháp	2NT	00	7.59	Khá	K14410	Marketing
2	K174101175	LÝ LÊ TRUNG	Nam	28/10/1999	35003067	Quảng Ngãi	1		7.62	Khá	K17410	Marketing
3	K174101181	VŨ NGỌC THUY VY	Nữ	08/02/1999	48021042	Đồng Nai	1		6.94	Trung bình khá	K17410	Marketing
4	K184101249	CHU THỊ NHƯ ANH	Nữ	11/10/2000	21000008	Hà Nội	2NT		7.83	Khá	K18410	Marketing
5	K184101262	PHẠM HOÀNG HUY	Nam	09/03/2000	61002503	Cà Mau			7.92	Khá	K18410	Marketing
6	K184101269	NGÔ MINH LONG	Nam	02/12/2000	41000626	Khánh Hòa	2		8.16	Giỏi	K18410	Marketing
7	K184101270	NGUYỄN THANH BÍCH LỘC	Nữ	10/06/2000	47007134	Bình Thuận			7.81	Khá	K18410	Marketing
8	K184101287	HOÀNG NHẬT QUANG	Nam	29/11/2000	36000282	Kon Tum			7.35	Khá	K18410	Marketing
9	K184101288	LÊ ĐẶNG HỒNG QUYÊN	Nữ	10/09/2000	53008127	Tiền Giang			7.85	Khá	K18410	Marketing
10	K184101296	TRẦN XUÂN THUY	Nữ	08/01/2000	53012746	Tiền Giang	2		8.08	Giỏi	K18410	Marketing
11	K184101307	ĐOÀN THỊ THANH TRÚC	Nữ	06/02/2000	40016959	Bình Định	1		7.68	Khá	K18410	Marketing
12	K174101194	LÊ GIA THẢO NGUYỄN	Nữ	17/01/1999	02041012	Gia Lai	3	00	6.69	Trung bình khá	K17410C	Marketing

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
13	K174101213	NGUYỄN HOÀNG LAN TRINH	Nữ	02/02/1999	02037089	TP.HCM	3		7.26	Khá	K17410C	Marketing

Tổng cộng: 13



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KINH DOANH QUỐC TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K164081110	PHAN THỊ TRANG	Nữ	26/09/1998	TDL009718	Lâm Đồng	1	01	7.45	Khá	K16408	Kinh doanh quốc tế
2	K174080914	LÊ HÀ THANH	Nữ	04/10/1999	42001727	HÀ TÂY	1		7.30	Khá	K17408	Kinh doanh quốc tế
3	K174080922	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	13/07/1998	54011125	KIÊN GIANG	2	00	8.17	Giỏi	K17408	Kinh doanh quốc tế
4	K184081030	PHÍ TRẦN QUỐC THẮNG	Nam	26/02/2000	02045882	Đồng Nai	1		7.37	Khá	K18408	Kinh doanh quốc tế

Tổng cộng: 4

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

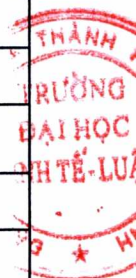
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K164111562	ĐỖ THỊ QUUYÊN	Nữ	25/01/1998	NLS005506	Gia Lai	1		7.24	Khá	K16411	Thương mại điện tử
2	K174030215	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	07/05/1999	56003708	Bến Tre	2NT	00	7.32	Khá	K17403	Thương mại điện tử
3	K174111240	LINH THỊ HUỆ	Nữ	19/05/1998	43003244	Thái Nguyên	1	01	7.56	Khá	K17411	Thương mại điện tử
4	K174111251	NGUYỄN THỊ TỎ	Nữ	24/07/1999	56005715	Bến Tre	1		7.59	Khá	K17411	Thương mại điện tử
5	K174111252	PHẠM THỊ KIỀU	Nữ	15/09/1999	53012819	Tiền Giang	2NT		7.88	Khá	K17411	Thương mại điện tử
6	K174111270	HỠ MINH PHƯỢNG	Nữ	02/12/1999	48017878	Đồng Nai	1	01	7.12	Khá	K17411	Thương mại điện tử
7	K184111359	QUÁCH HUỲNH ANH	Nữ	06/04/2000	59000874	Sóc Trăng	1	01	8.10	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
8	K184111360	TRẦN THỊ TRÚC	Nữ	01/11/2000	52008247	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT	00	7.52	Khá	K18411	Thương mại điện tử
9	K184111362	BÙI VĂN BÌNH	Nam	07/03/2000	44000136	Hà Nam	2		7.49	Khá	K18411	Thương mại điện tử
10	K184111363	TẠ NGỌC BÌNH	Nam	23/08/1999	48002705	Đồng Nai	1		8.08	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
11	K184111365	NGUYỄN THỊ CẨM DUYÊN	Nữ	30/10/2000	64005797	Cần Thơ			8.08	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
12	K184111374	LÊ BẢO KHANH	Nữ	31/08/2000	42010101	Lâm Đồng	1		8.45	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
13	K184111389	HÀ NGUYỄN VIỆT NGÂN	Nữ	01/01/2000	58002603	Trà Vinh			7.47	Khá	K18411	Thương mại điện tử
14	K184111391	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	30/08/2000	02040948	TP. Hồ Chí Minh			8.12	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
15	K184111395	TRẦN MINH NGHĨA	Nam	14/06/2000	51008363	An Giang	1		7.57	Khá	K18411	Thương mại điện tử
16	K184111398	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Nữ	25/02/2000	43003313	Gia Lai	1		7.71	Khá	K18411	Thương mại điện tử

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K184111400	NGUYỄN THỊ BẢO NHI	Nữ	12/09/2000	51010062	An Giang	2		7.36	Khá	K18411	Thương mại điện tử
18	K184111401	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	07/02/2000	50006845	Đồng Tháp			7.95	Khá	K18411	Thương mại điện tử
19	K184111402	ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	10/02/2000	43001570	Bình Phước	1		8.18	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
20	K184111403	HỒ THỊ MI NI	Nữ	10/09/2000	40008758	Đắk Lắk	1		7.70	Khá	K18411	Thương mại điện tử
21	K184111404	PHẠM THỊ MY NI	Nữ	03/07/2000	32007062	Quảng Trị	2NT		8.42	Giỏi	K18411T	Thương mại điện tử
22	K184111406	TĂNG MỸ PHÚC	Nữ	01/01/2000	57002702	Vĩnh Long	2		8.01	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
23	K184111407	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	Nữ	10/08/2000	43003354	Lai Châu	1		8.28	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
24	K184111408	NGUYỄN THỊ BẢO PHƯƠNG	Nữ	19/10/2000	33003515	Thừa Thiên Huế	2		8.10	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
25	K184111409	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	18/09/2000	29029139	Nghệ An	1		8.14	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
26	K184111415	ĐINH ĐỨC THANH	Nam	30/12/2000	43001665	Bình Phước	1		7.85	Khá	K18411	Thương mại điện tử
27	K184111416	LÊ HOÀNG HIẾU THẢO	Nữ	05/11/2000	43001683	Bình Phước	1		8.06	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
28	K184111417	PHẠM THỊ NGỌC THẢO	Nữ	31/10/2000	34009871	Quảng Nam	2		8.49	Giỏi	K18411T	Thương mại điện tử
29	K184111424	TRẦN ANH THƠ	Nữ	02/10/2000	40016678	Đắk Lắk	1		8.15	Giỏi	K18411	Thương mại điện tử
30	K174111302	PHẠM THỊ MỸ HƯƠNG	Nữ	06/11/1999	02016696	Hồ Chí Minh	3	00	8.17	Giỏi	K17411C	Thương mại điện tử
31	K174111314	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	09/08/1999	30014871	Hà Tĩnh	1		7.42	Khá	K17411C	Thương mại điện tử
32	K184060762	NGUYỄN LỆ TRẦN	Nữ	10/09/2000	43001790	Bình Phước	1		7.87	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
33	K184111444	ĐỖ NGUYỄN NHẬT HÀN	Nam	05/04/2000	02031786	TP. Hồ Chí Minh		00	8.15	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
34	K184111445	VŨ QUANG HUY	Nam	07/11/2000	02044810	TP. Hồ Chí Minh			8.41	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
35	K184111446	ĐẶNG THỊ THƯƠNG HUYỀN	Nữ	28/12/2000	30009231	Hà Tĩnh	2NT		7.73	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
36	K184111447	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	09/12/2000	52001679	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		8.71	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
37	K184111449	NGUYỄN NGỌC MINH	Nam	03/04/2000	02045220	Đồng Nai			7.57	Khá	K18411C	Thương mại điện tử



STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
38	K184111452	ĐÀM NGỌC YẾN NHI	Nữ	02/06/2000	40016148	Đắk Lắk	1	01	7.54	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
39	K184111453	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	09/12/2000	57001992	Vĩnh Long			8.40	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
40	K184111455	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	04/01/2000	42001112	Lâm Đồng	1		7.83	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
41	K184111457	PHAN HỒNG OANH	Nữ	03/10/2000	48019879	Đồng Nai	1		7.91	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
42	K184111462	TRẦN DUY THÔNG	Nam	18/02/2000	02061712	TP. Hồ Chí Minh	3		7.85	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
43	K184111465	ĐẶNG NGỌC MINH THƯ	Nữ	10/02/2000	50006966	Đồng Tháp			7.84	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
44	K184111467	NGUYỄN NGỌC UYÊN THƯ	Nữ	05/02/1999	42014721	Bến Tre	1		8.31	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
45	K184111468	VÕ QUỲNH TIỀN	Nữ	20/10/2000	38000473	Gia Lai	1		8.21	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
46	K184111471	VÕ THỊ MAI TRINH	Nữ	20/08/2000	48008418	Đồng Nai	2		8.22	Giỏi	K18411C	Thương mại điện tử
47	K184111472	BÙI VĂN TRUNG	Nam	10/03/2000	02056807	Hà Nội	2		7.37	Khá	K18411C	Thương mại điện tử
48	K184111475	PHẠM XUÂN QUỲNH VY	Nữ	14/09/2000	52002848	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.77	Khá	K18411C	Thương mại điện tử

Tổng cộng: 48

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144040563	TRẦN DUY QUANG	Nam	29/09/1994	1445	Đắk Lắk	3		6.99	Trung bình khá	K14404	Tài chính - Ngân hàng
2	K164040469	VŨ THỊ THU HOÀI	Nữ	02/04/1998	TDL003044	Lâm Đồng	1		7.17	Khá	K16404	Tài chính - Ngân hàng
3	K174040402	TRẦN THỊ THU	Nữ	17/05/1999	52008545	Bà Rịa Vũng Tàu	2NT		7.02	Khá	K17404	Tài chính - Ngân hàng
4	K184040376	NGUYỄN TRƯƠNG YẾN NGỌC	Nữ	28/06/2000	55006933	Cần Thơ		00	7.73	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
5	K184040378	TRÀ HỒNG NHẬT	Nam	12/06/2000	02002072	TP. Hồ Chí Minh	3	00	7.57	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
6	K184040392	LÊ THANH THẢO	Nữ	25/05/2000	46000609	Tây Ninh		00	7.90	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
7	K184040394	HOÀNG THI THƠ	Nữ	09/02/2000	41001441	Khánh Hòa	2		7.71	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
8	K184040398	THÁI THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	17/04/2000	42001275	Lâm Đồng	1		7.30	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
9	K184040409	LA PHƯỚC AN	Nam	23/06/2000	02037629	TP. Hồ Chí Minh		06	7.62	Khá	K18404	Tài chính - Ngân hàng
10	K164040615	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	27/02/1998	DMS001847	Đắk Nông	1		7.38	Khá	K16404C	Tài chính - Ngân hàng
11	K164042231	TRẦN THỊ THÚY	Nữ	06/12/1998	DMS003585	Hải Dương	1		6.90	Trung bình khá	K16404C	Tài chính - Ngân hàng
12	K184040370	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	12/07/2000	53001558	TP. Hồ Chí Minh	2NT		7.58	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng
13	K184040387	BÙI MINH TÚ QUYÊN	Nữ	13/04/2000	50006893	Đồng Tháp		00	7.42	Khá	K18412	Tài chính - Ngân hàng



STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
14	K184040490	NGUYỄN LƯU YẾN NHI	Nữ	24/07/2000	02021428	TP. Hồ Chí Minh	3		8.02	Giỏi	K18412	Tài chính - Ngân hàng

Tổng cộng: 14



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

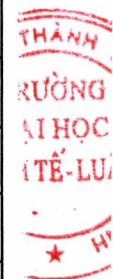
(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KẾ TOÁN

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144050639	HOÀNG THỊ LAN ANH	Nữ	13/09/1996	68	Quảng Bình	2NT	00	6.16	Trung bình khá	K14405	Kế toán
2	K174050539	LÊ KIỀU OANH	Nữ	12/05/1999	33004992	Thừa Thiên Huế	2		7.49	Khá	K17405	Kế toán
3	K174050541	VÕ MINH PHỤNG	Nam	30/07/1999	52000960	Bà Rịa - Vũng Tàu			7.53	Khá	K17405	Kế toán
4	K184050552	TRƯƠNG THỊ HẠ CHI	Nữ	24/06/2000	41000466	Khánh Hòa	2		7.76	Khá	K18405	Kế toán
5	K184050554	LIỄU THỊ DUNG	Nữ	27/07/2000	43001184	Bình Phước	1	01	7.40	Khá	K18405	Kế toán
6	K184050557	NGUYỄN HỒNG MỸ DUYÊN	Nữ	30/11/2000	48021701	Đồng Nai	1		8.28	Giỏi	K18405	Kế toán
7	K184050578	NGUYỄN LÊ MỸ LINH	Nữ	26/02/2000	41005996	Khánh Hòa	2		7.95	Khá	K18405	Kế toán
8	K184050587	VŨ THỊ NGỌC	Nữ	22/04/2000	29031179	Nghệ An	2NT		7.64	Khá	K18405	Kế toán
9	K184050593	LÊ ĐỖ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	23/03/2000	54002682	Kiên Giang	2		7.67	Khá	K18405	Kế toán
10	K184050596	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	Nữ	10/01/2000	60000727	Bạc Liêu		00	8.03	Giỏi	K18405	Kế toán
11	K184050602	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	02/03/2000	40015177	Đắk Lắk	1		8.12	Giỏi	K18405	Kế toán
12	K184050606	THIỀU THỊ HỒNG THỦY	Nữ	08/12/2000	52001089	Thanh Hóa		00	8.08	Giỏi	K18405	Kế toán
13	K184050612	LÂM NGỌC THẢO TRANG	Nữ	01/09/2000	46000699	Tây Ninh		00	7.94	Khá	K18405	Kế toán
14	K184050614	NGUYỄN HOÀNG NGỌC TRÂN	Nữ	27/02/2000	53007430	Tiền Giang		00	8.34	Giỏi	K18405	Kế toán



STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
15	K184050617	TRẦN LAM TRƯỜNG	Nam	21/12/2000	53000951	Tiền Giang	2NT		8.13	Giỏi	K18405	Kế toán
16	K184050622	ĐÀO NGUYỄN THÚY VY	Nữ	16/07/2000	02041300	TP. Hồ Chí Minh		00	8.26	Giỏi	K18405	Kế toán
17	K184050623	ĐẶNG ĐỖ TUỜNG VY	Nữ	31/12/2000	02034484	TP. Hồ Chí Minh		00	7.81	Khá	K18405	Kế toán
18	K184050624	NGUYỄN CAO TUỜNG VY	Nữ	04/01/2000	48000529	Đồng Nai		00	8.25	Giỏi	K18405	Kế toán
19	K184050625	NGUYỄN MAI TUỜNG VY	Nữ	27/07/2000	46001319	Tây Ninh		00	7.93	Khá	K18405	Kế toán
20	K184050626	NGUYỄN THỊ KIM XUÂN	Nữ	19/11/2000	51006927	An Giang		00	8.48	Giỏi	K18405	Kế toán
21	K184030285	VŨ THỊ MỘNG THỦY	Nữ	21/11/2000	48017595	Cần Thơ	1		8.14	Giỏi	K18405C	Kế toán
22	K184050631	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	08/01/2000	02003515	Tp. Hồ Chí Minh	3		8.16	Giỏi	K18405C	Kế toán
23	K184050634	TRẦN THIÊN DUY	Nam	09/07/2000	48000069	Đồng Nai		00	7.98	Khá	K18405C	Kế toán
24	K184050635	NGUYỄN THỤY MINH ĐAN	Nữ	20/04/2000	02040704	TP. Hồ Chí Minh		00	7.70	Khá	K18405C	Kế toán
25	K184050640	TRẦN HUỲNH ĐỨC HUY	Nam	09/05/2000	48007507	Đồng Nai	2		6.80	Trung bình khá	K18405C	Kế toán
26	K184050644	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	18/06/2000	52001678	TP. Hồ Chí Minh	2		7.82	Khá	K18405C	Kế toán
27	K184050646	PHẠM TRÚC MAI	Nữ	09/01/2000	02004680	TP. Hồ Chí Minh		00	7.36	Khá	K18405C	Kế toán
28	K184050648	NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC	Nữ	05/09/2000	02047425	TP. Hồ Chí Minh	3		8.32	Giỏi	K18405C	Kế toán
29	K184050649	NGUYỄN KIM YẾN NHI	Nữ	09/12/2000	02032161	TP. Hồ Chí Minh		00	7.64	Khá	K18405C	Kế toán
30	K184050656	TRẦN NGUYỄN HIẾU THẢO	Nữ	12/11/2000	02034140	TP. Hồ Chí Minh		00	7.55	Khá	K18405C	Kế toán
31	K184050658	QUÊ HOÀNG HOÀI THƯƠNG	Nữ	20/12/2000	48007939	Đồng Nai	2		8.12	Giỏi	K18405C	Kế toán
32	K184050661	TẠ NGỌC VŨ	Nam	03/06/2000	43003514	Bình Phước	1		8.00	Giỏi	K18405C	Kế toán



Khánh

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
33	K184050662	LÊ THÁI VY	Nữ	27/03/2000	02034491	TP. Hồ Chí Minh		00	7.77	Khá	K18405C	Kế toán

Tổng cộng: 33

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: KIỂM TOÁN

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K174091024	NGUYỄN BÁ ĐƯỜNG	Nam	20/04/1999	29007267	Nghệ An	2NT		7.53	Khá	K17409	Kiểm toán
2	K184091138	LƯU THỊ NGỌC ANH	Nữ	25/10/2000	63000012	Đắk Lắk	1		8.14	Giỏi	K18409	Kiểm toán
3	K184091140	TRỊNH KHÁNH DUY	Nam	12/06/2000	44000238	Bình Dương	2		7.80	Khá	K18409	Kiểm toán
4	K184091141	ĐẶNG TRẦN THẢO DUYÊN	Nữ	19/10/2000	37005749	Bình Định	2		8.52	Giỏi	K18409	Kiểm toán
5	K184091157	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH LINH	Nữ	27/07/2000	02047264	TP. Hồ Chí Minh	3		8.16	Giỏi	K18409	Kiểm toán
6	K184091159	TRƯƠNG THỊ MỸ LINH	Nữ	07/12/1999	31009279	Quảng Bình	2		8.34	Giỏi	K18409	Kiểm toán
7	K184091161	NGUYỄN HỮU LUẬT	Nam	02/10/2000	43001452	Bình Phước	1		7.57	Khá	K18409	Kiểm toán
8	K184091171	LÊ THỊ BÍCH NGUYỆT	Nữ	16/01/2000	37004372	Bình Định			8.43	Giỏi	K18409	Kiểm toán
9	K184091172	VÕ HỒNG MINH NHẬT	Nam	05/03/2000	02045428	TP. Hồ Chí Minh		00	7.62	Khá	K18409	Kiểm toán
10	K184091174	VĂN THỊ YÊN NHI	Nữ	01/01/2000	52008569	Bà Rịa - Vũng Tàu	2NT	00	7.74	Khá	K18409	Kiểm toán
11	K184091189	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/10/2000	26015035	Thái Bình	2NT		8.17	Giỏi	K18409	Kiểm toán
12	K184091195	TRỊ THANH ANH THU	Nữ	19/01/2000	43001744	Đồng Nai	1		8.26	Giỏi	K18409	Kiểm toán
13	K184091197	HUỲNH THỊ MỸ TRANG	Nữ	14/09/2000	36000869	Kon Tum		00	8.05	Giỏi	K18409	Kiểm toán
14	K184091199	LÊ NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	15/11/2000	36000880	Kon Tum		00	8.16	Giỏi	K18409	Kiểm toán
15	K184091202	LÊ NGUYỄN THỰC TRINH	Nữ	24/08/2000	02038879	Nghệ An		00	8.49	Giỏi	K18409	Kiểm toán
16	K164091335	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	19/08/1998	TTN005840	Đắk Lắk	1		6.77	Trung bình khá	K16409C	Kiểm toán



STT	MSSV	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K184091213	NGÔ THÙY	GIANG	Nữ	04/10/2000	31003964	Quảng Bình	2		8.58	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
18	K184091217	NGUYỄN HOÀNG	HUY	Nam	26/10/2000	02042183	TP. Hồ Chí Minh	3		8.72	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
19	K184091220	PHẠM THỊ THÙY	LAN	Nữ	19/11/2000	42001593	Lâm Đồng	1		7.60	Khá	K18409C	Kiểm toán
20	K184091222	CAO THÁI	LONG	Nữ	12/04/2000	37005840	Bình Định	2		8.25	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
21	K184091224	MAI THỊ THU	NGÂN	Nữ	12/06/2000	52001804	TP. Hồ Chí Minh		00	8.69	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
22	K184091227	VÕ ĐĂNG	QUANG	Nam	04/05/2000	37001003	Bình Định	2		8.33	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
23	K184091235	NGUYỄN QUANG	THÔNG	Nam	01/05/2000	41006699	Khánh Hòa	2		8.59	Giỏi	K18409C	Kiểm toán
24	K184091239	BÙI YẾN	TRÂM	Nữ	01/02/2000	48007100	Đồng Nai	2		8.14	Giỏi	K18409C	Kiểm toán

Tổng cộng: 24



Hoàng Công Gia Khánh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

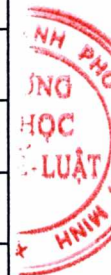
Ngành tốt nghiệp: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K144060767	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Nữ	12/11/1996	3329	Đồng Nai	1		7.43	Khá	K14406	Hệ thống thông tin quản lý
2	K154060569	LÊ NAM PHONG	Nam	17/05/1997	HDT019412	Ninh Bình	2NT		7.33	Khá	K15406	Hệ thống thông tin quản lý
3	K164060775	LÊ MAI THẢO BÌNH	Nữ	24/01/1998	XDT000337	Khánh Hòa	2NT		7.50	Khá	K16406	Hệ thống thông tin quản lý
4	K164060819	NGUYỄN QUANG RIN	Nam	14/01/1998	DDK008862	Quảng Nam	2NT		7.71	Khá	K16406	Hệ thống thông tin quản lý
5	K164062267	PHẠM XUÂN PHƯỚC	Nam	15/10/1998	DHT004030	Quảng Bình	2NT		7.52	Khá	K16406	Hệ thống thông tin quản lý
6	K164062272	PHẠM QUANG THÁI	Nam	14/09/1995	TKG004705	Kiên Giang	2		7.81	Khá	K16406	Hệ thống thông tin quản lý
7	K164062280	TRỊNH VĂN VIỆT	Nam	05/02/1998	DDS009331	Quảng Ngãi	2		7.48	Khá	K16406	Hệ thống thông tin quản lý
8	K184060706	NGUYỄN HOÀNG VÂN ANH	Nữ	06/01/2000	52001291	Bà Rịa - Vũng Tàu	2		7.57	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
9	K184060714	VÕ NGUYỄN XUÂN HÒA	Nữ	05/02/2000	41001112	Khánh Hòa	2		7.76	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
10	K184060717	MAI THỊ HUYỀN	Nữ	13/02/2000	52010562	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	00	8.13	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
11	K184060718	NGÔ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	15/10/2000	38006706	Gia Lai	1		8.17	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
12	K184060719	NGUYỄN THANH HƯƠNG	Nữ	02/09/2000	37007671	Bình Định	1		7.75	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
13	K184060721	HUỲNH NỮ UYÊN KHA	Nữ	25/10/2000	37006653	Bình Định	2		8.14	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
14	K184060722	LÊ TRUNG KIÊN	Nam	26/02/2000	42001586	Lâm Đồng			7.97	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
15	K184060730	NGUYỄN HUỲNH TRÚC LY	Nữ	06/09/2000	02055916	Tp. Hồ Chí Minh	2		8.23	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
16	K184060733	DƯƠNG QUANG MINH	Nam	01/07/2000	42007492	Lâm Đồng	1		7.96	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
17	K184060734	LÂM KIỀU MY	Nữ	03/02/2000	37007753	Bình Định	1		8.03	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
18	K184060738	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	29/04/2000	36001449	Kon Tum	1		8.03	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
19	K184060739	VÕ HỒNG NGỌC	Nữ	30/06/2000	44003011	Tp. Hồ Chí Minh	2		8.36	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
20	K184060740	PHAN MINH NGUYỆT	Nữ	23/01/2000	34005699	Đà Nẵng	2NT		8.42	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
21	K184060742	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	17/03/2000	44001018	Đồng Nai	2		8.48	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
22	K184060743	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	10/03/2000	02042377	TP. Hồ Chí Minh			8.07	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
23	K184060746	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	30/07/2000	57002050	TP. Hồ Chí Minh	2		8.27	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
24	K184060747	PHẠM THỊ THÚY QUỲNH	Nữ	05/04/2000	60000730	Bạc Liêu			8.11	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
25	K184060748	NGUYỄN NGUYỄN THỊ ANH SƯƠNG	Nữ	07/06/2000	37016530	Bình Định	1		7.53	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
26	K184060749	BÙI THỊ MAI THANH	Nữ	05/08/1999		Quảng Ngãi			7.87	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
27	K184060751	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/11/2000	42007558	Lâm Đồng	1		7.94	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
28	K184060752	LÊ THỊ THU THẢO	Nữ	26/04/2000	02061650	TP. Hồ Chí Minh			7.89	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
29	K184060754	ĐINH CÔNG THIỆN	Nam	29/04/2000	40016633	Đắk Lắk	1	01	7.29	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
30	K184060758	PHẠM THỦY TIÊN	Nữ	28/02/2000	42011123	Lâm Đồng	1		7.19	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý



STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
31	K184060760	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	12/02/2000	42004324	Lâm Đồng	1		7.67	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
32	K184060763	VƯƠNG BẢO TRẦN	Nữ	10/10/2000	41006872	Khánh Hòa		00	7.84	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
33	K184060765	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG TRÚC	Nữ	02/12/2000	02068179	Tiền Giang			8.46	Giỏi	K18406T	Hệ thống thông tin quản lý
34	K184060767	TRƯƠNG QUỐC TUẤN	Nam	17/03/2000	41000895	Khánh Hòa	2		7.75	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
35	K184060769	NGÔ MINH THANH VÂN	Nữ	24/09/2000	02041286	TP. Hồ Chí Minh			7.81	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
36	K184060771	PHẠM TRƯỜNG VI	Nữ	10/05/2000	39008689	Phú Yên	2NT		8.21	Giỏi	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
37	K184060774	HUỲNH TIỂU YẾN	Nữ	29/09/2000	37012456	Bình Định	2NT		7.74	Khá	K18406	Hệ thống thông tin quản lý
38	K184060775	NGUYỄN THỊ VÂN AN	Nữ	25/02/2000	53001013	Tiền Giang	2NT		8.00	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
39	K184060776	HOÀNG KỲ ANH	Nam	01/08/2000	44002575	Hà Nội	2		7.30	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
40	K184060777	MAI NGUYỄN AN BÌNH	Nữ	22/04/2000	56009356	Bến Tre	2NT		8.11	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
41	K184060778	TRẦN THỊ KIỀU DIỄM	Nữ	22/11/2000	48005851	Cần Thơ			7.83	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
42	K184060780	TRẦN KHÁNH DUY	Nam	10/02/2000	02039241	TP. Hồ Chí Minh			8.18	Giỏi	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
43	K184060785	VÕ THỊ MINH HÀ	Nữ	06/09/2000	52010461	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	00	7.19	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
44	K184060788	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	04/01/2000	48007523	Đồng Nai	2		7.24	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
45	K184060791	BÙI NHẬT KHANH	Nữ	19/06/2000	48000158	Đồng Nai	2		7.32	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
46	K184060801	NGÔ HỮU TÀI	Nam	01/10/2000	02012555	TP. Hồ Chí Minh	3	06	7.57	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
47	K184060804	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	02/04/2000	37013280	Bình Định	1		7.68	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý



STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
48	K184060805	PHƯƠNG KỲ THÔNG	Nam	25/10/2000	45004757	Ninh Thuận	2	01	7.31	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý
49	K184060806	NGUYỄN VŨ MINH THÙY	Nữ	01/06/2000	50006956	Đồng Tháp	2		7.53	Khá	K18406C	Hệ thống thông tin quản lý

Tổng cộng: 49

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

HỒ CHỮ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: LUẬT

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K155031551	RAH LAN H' LY LA	Nữ	24/08/1995	DB0041	Gia Lai		00	7.07	Khá	K15503	Luật
2	K165032579	PHẠM HUỖNH ĐỨC	Nam	12/08/1998	DHS003473	Hà Tĩnh	1		6.38	Trung bình khá	K16503	Luật
3	K165032592	VÕ TẤN LỘC	Nam	24/07/1996	DDS003926	Quảng Ngãi	2NT		6.82	Trung bình khá	K16503	Luật
4	K175031580	PHẠM THỊ TÚ ANH	Nữ	05/02/1999	63000017	Thái Bình			7.66	Khá	K17503	Luật
5	K175031630	TRỊNH ĐÔNG SƠN	Nam	04/03/1999	02001729	hồ chí minh	3		7.09	Khá	K17503	Luật
6	K185041858	LÊ HỒ LỘC AN	Nữ	29/10/2000	04007570	Quảng Nam	3		6.88	Trung bình khá	K18504	Luật

Tổng cộng: 6



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đính kèm theo quyết định số 508/QĐ-ĐHKTL ngày 27/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Ngành tốt nghiệp: LUẬT KINH TẾ

STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
1	K145011536	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	27/03/1996	1090	Sông Bé	1	00	7.32	Khá	K14501	Luật Kinh tế
2	K145011568	NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO	Nữ	10/07/1996	1671	Quảng Ngãi	2NT		7.32	Khá	K14501	Luật Kinh tế
3	K155011205	LƯU NỮ HUYỀN TRANG	Nữ	06/12/1997	DQN024549	Quảng Ngãi	2NT	00	7.52	Khá	K15501	Luật Kinh tế
4	K175011367	ỨC THỊ	Nữ	12/02/1997	DB000009	Bình Thuận		00	7.03	Khá	K17501	Luật Kinh tế
5	K175011380	TRIỆU THỊ OANH	Nữ	09/10/1999	40016387	Đắk Lắk	1	01	7.34	Khá	K17501	Luật Kinh tế
6	K185011556	BÙI NHẬT QUỲNH	Nữ	10/02/2000	34009837	Quảng Nam		00	7.68	Khá	K18501	Luật Kinh tế
7	K185011567	NGUYỄN THỊ KIM SA	Nữ	19/03/2000	02045684	Lâm Đồng	3		7.95	Khá	K18501	Luật Kinh tế
8	K185011601	NGUYỄN THÁI ĐĂNG	Nam	06/05/2000	02044498	Bến Tre	3		8.05	Giỏi	K18501C	Luật Kinh tế
9	K185011630	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	Nữ	21/08/2000	31009539	Quảng Bình	2		8.26	Giỏi	K18501C	Luật Kinh tế
10	K155021238	TRẦN NGUYỄN BẢO HẰNG	Nữ	11/08/1997	YDS003963	Lâm Đồng	2		6.75	Trung bình khá	K15502	Luật Kinh tế
11	K165022540	ĐẶNG MINH PHÚC	Nam	30/03/1998	DQN007791	Bình Định	2		7.15	Khá	K16502	Luật Kinh tế
12	K165022545	NGUYỄN HOÀNG THƠ	Nữ	22/07/1998	LPS005645	Ben Tre	2NT		7.45	Khá	K16502	Luật Kinh tế
13	K175021484	HỒ ĐẶNG TRÀ MY	Nữ	23/01/1999	37002372	Bình Định	1	01	7.89	Khá	K17502	Luật Kinh tế
14	K185021700	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	Nữ	09/03/2000	35004899	Lâm Đồng	2		7.87	Khá	K18502	Luật Kinh tế
15	K165022557	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Nữ	24/01/1998	NLS000150	Hung Yên	1		7.57	Khá	K16502C	Luật Kinh tế
16	K175021536	PHẠM THỊ KỲ DUYÊN	Nữ	05/12/1999	43006274	Bình Phước	1		7.84	Khá	K17502C	Luật Kinh tế



STT	MSSV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	SBD	Nơi sinh	KV	ĐT	ĐTB	Xếp loại	Lớp	Ngành tốt nghiệp
17	K175021560	THỊ SA RÂY	Nữ	15/01/1999	43007010	Bình Phước	1	01	7.09	Khá	K17502C	Luật Kinh tế

Tổng cộng: 17



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

